

Số: 1300/QĐ-BXD

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 62/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng theo quy định tại Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014, Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Các Cục, Vụ liên quan có trách nhiệm rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành 03 Luật trên để công bố bổ sung các thủ tục hành chính mới.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Cục KS TTHC (Bộ Tư pháp);
- Website Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, PC (KSTT).

KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Đỗ Đức Duy

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA SAU KHI BAN HÀNH
LUẬT XÂY DỰNG SỐ 50/2014/QH13 NGÀY 18/6/2014; LUẬT NHÀ Ở SỐ 65/2014/QH13 NGÀY 25/11/2014,
LUẬT KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN SỐ 66/2014/QH13 NGÀY 25/11/2014 THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1300 /QĐ- BXD ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ Xây dựng)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TRUNG ƯƠNG

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
A.	Lĩnh vực xây dựng			
1.	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng đối với dự án quan trọng quốc gia	Khoản 2 Điều 52, 53 Khoản 1 Điều 57 Luật Xây dựng 2014	Hội đồng thẩm định NN do Thủ tướng Chính phủ thành lập	
2.	Thẩm định dự án đầu tư xây dựng/thẩm định thiết kế cơ sở			Được thực hiện ở cả cấp Trung ương, cấp tỉnh, huyện
	2.1 Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đối với dự án quan trọng quốc gia	Điều 54, Khoản 1 Điều 57, Điều 58, 59, 61 Luật Xây dựng 2014	Hội đồng thẩm định NN do Thủ tướng Chính phủ thành lập	
	2.2 Thẩm định dự án đầu tư xây dựng đối với dự án sử	Điều 54, Khoản 2 Điều 57, Điều 58, 59	Cơ quan chuyên môn trực thuộc Bộ Xây dựng,	

	dụng vốn ngân sách NN	Luật Xây dựng 2014	Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	
	2.3 Thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước	Điều 55, 57, 58, 59 Luật Xây dựng 2014	Cơ quan chuyên môn trực thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	
	2.4 Thẩm định thiết kế cơ sở đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách	Khoản 3 Điều 57, 58, 59 Luật Xây dựng 2014	Cơ quan chuyên môn trực thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	
	2.5 Thẩm định thiết kế cơ sở (trừ thiết kế công nghệ) dự án sử dụng vốn khác đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, công trình công cộng...	Khoản 4 Điều 57, 58, 59, 60 Luật Xây dựng 2014	Cơ quan chuyên môn trực thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	
3.	Thẩm định dự án điều chỉnh			Được thực hiện ở cả cấp Trung ương, cấp tỉnh, huyện
	3.1 Thẩm định dự án đầu tư xây dựng điều chỉnh đối với dự án sử dụng vốn ngân sách NN	Điều 54, Khoản 2 Điều 57, Điều 58, 59, 61 Luật Xây dựng 2014	Cơ quan chuyên môn trực thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	
	3.2 Thẩm định thiết kế cơ sở điều chỉnh đối với dự án vốn nhà nước ngoài ngân sách,	Khoản 4 Điều 57, 58, 59, 61 Luật Xây dựng 2014	Cơ quan chuyên môn trực thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình	

	vốn khác đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, công trình công cộng		xây dựng chuyên ngành	
4.	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng			Được thực hiện ở cả cấp Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện
	4.1 Thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán trong trường hợp thiết kế 3 bước, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán trong trường hợp thiết kế 2 bước	Khoản 1, 2 Điều 82 Luật Xây dựng 2014	Cơ quan chuyên môn trực thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	
	4.2 Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình (trừ thiết kế công nghệ và các nội dung khác) đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách; vốn khác ảnh hưởng lớn đến cảnh quan môi trường và an toàn của cộng đồng	Khoản 3 Điều 52, Điều 55, điểm b, điểm c Khoản 5 Điều 57, Khoản 4 Điều 58 Luật XD 2014	Cơ quan chuyên môn trực thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	

5.	Cấp giấy phép xây dựng			Được thực hiện ở cả cấp Trung ương, tỉnh, huyện
	5.1 Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình	Điều 96 Luật XD 2014	Bộ Xây dựng	
	5.2 Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt	Khoản 1 Điều 103 Luật XD 2014	Bộ Xây dựng	
	5.3 Cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp di dời công trình cấp đặc biệt	Điều 97, Điều 117 Luật XD 2014	Bộ Xây dựng	
6.	Cấp lại giấy phép xây dựng công trình	Điều 100, K2 Điều 102 Luật XD 2014	Bộ Xây dựng	Được thực hiện ở cả cấp Trung ương, tỉnh, huyện
7.	Gia hạn giấy phép xây dựng công trình	Điều 99, Khoản 2 Điều 102 Luật XD 2014	Bộ Xây dựng	Được thực hiện ở cả cấp Trung ương, tỉnh, huyện
8.	Điều chỉnh giấy phép xây dựng công trình	Điều 98, Khoản 1 Điều 102 Luật XD 2014	Bộ Xây dựng	Được thực hiện ở cả cấp Trung ương, tỉnh, huyện
9.	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình quan trọng quốc gia, công trình có quy	Khoản 4 Điều 123 Luật XD 2014; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của	Hội đồng nghiệm thu Nhà nước và cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng, các Bộ quản	Được thực hiện ở cả cấp Trung ương, tỉnh, huyện

	mô lớn, kỹ thuật phức tạp, công trình khác	Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng	lý công trình xây dựng chuyên ngành	
10.	Cấp giấy phép hoạt động đối với nhà thầu là tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam	Khoản 2 Điều 148 Luật Xây dựng 2014	Bộ Xây dựng	
11.	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân			Được thực hiện ở cả cấp Trung ương, tỉnh
	11.1 Cấp chứng chỉ hành nghề chủ trì thiết kế quy hoạch xây dựng	Khoản 3 Điều 148 Luật XD	Bộ Xây dựng	
	11.2 Cấp chứng chỉ hành nghề chủ nhiệm khảo sát xây dựng	Khoản 3 Điều 148 Luật XD	Bộ Xây dựng	
	11.3 Cấp chứng chỉ hành nghề làm chủ nhiệm, chủ trì thiết kế	Khoản 3 Điều 148 Luật XD	Bộ Xây dựng	
	11.4 Cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng	Khoản 3 Điều 148 Luật XD 2014	Bộ Xây dựng	
	11.5 Cấp chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng	Khoản 3 Điều 148 Luật XD 2014	Bộ Xây dựng	

	11.6 Cấp chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng	Khoản 3 Điều 148 Luật XD 2014	Bộ Xây dựng	
12.	Cấp chứng chỉ về năng lực hoạt động xây dựng hạng 1 cho tổ chức			Được thực hiện ở cả cấp Trung ương, cấp tỉnh
	12.1 Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức tư vấn lập thiết kế quy hoạch xây dựng	Điều 150 Luật XD 2014	Bộ Xây dựng	
	12.2 Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức tư vấn lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng	Điều 151 Luật XD 2014	Bộ Xây dựng	
	12.3 Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	K2 Điều 152 Luật XD 2014	Bộ Xây dựng	
	12.4 Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức tư vấn quản lý dự án	K1 Điều 152 Luật XD 2014	Bộ Xây dựng	
	12.5 Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức khảo sát xây dựng	Điều 153 Luật XD 2014	Bộ Xây dựng	

	12.6 Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức thực hiện giám sát thi công, kiểm định xây dựng	Điều 155 Luật XD 2014	Bộ Xây dựng	
	12.7 Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng	Điều 156 Luật XD 2014	Bộ Xây dựng	
	12.8 Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức thi công xây dựng công trình	Điều 157 Luật XD 2014	Bộ Xây dựng	
	12.9 Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động với tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình	Khoản 2 Điều 154 Luật Xây dựng 2014	Bộ Xây dựng	
13.	Đăng ký thông tin về năng lực hoạt động xây dựng	Điều 159 Luật XD 2014	Bộ Xây dựng	Được thực hiện ở cả cấp Trung ương, cấp tỉnh

B.	Lĩnh vực nhà ở			
	Về phát triển nhà ở (04 TTHC)			
14.	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở (áp dụng đối với nhà ở thương mại, nhà ở công vụ, nhà ở phục vụ tái định cư, nhà ở xã hội) có quy mô lớn, dự án nhóm A do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận	Khoản 2 Điều 170, 171 Luật Nhà ở 2014	Bộ Xây dựng	Được thực hiện ở cả cấp Trung ương, cấp tỉnh
15.	Lựa chọn chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở			Được thực hiện ở cả cấp Trung ương, cấp tỉnh
	15.1 Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại	Mục 2 Chương III Luật Nhà ở 2014	Bộ Xây dựng	
	15.2 Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ tướng Chính phủ	Điểm a Khoản 3 Điều 28 Luật Nhà ở 2014	Bộ Xây dựng	
	15.3 Lựa chọn chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở để phục vụ tái định cư cho các dự án quan trọng quốc gia	Điểm a khoản 4 Điều 38 Luật Nhà ở 2014	Thủ tướng Chính phủ hoặc ủy quyền cho Bộ Xây dựng	

	15.4 Lựa chọn chủ đầu tư xây dựng dự án xây dựng nhà ở xã hội bằng vốn ngân sách nhà nước	Khoản 1 Điều 57 Luật Nhà ở 2014	Bộ Xây dựng	
	15.5 Lựa chọn chủ đầu tư dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ	Điều 114 Luật Nhà ở 2014	Bộ Xây dựng	
16.	Phê duyệt dự án mua nhà ở thương mại làm nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ	Điều 30, 41 Luật Nhà ở 2014	Bộ Xây dựng	Được thực hiện ở cả cấp Trung ương, tỉnh
17.	Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng nhà bằng nguồn vốn nhà nước	Khoản 4 Điều 19 Luật Nhà ở 2014	Thủ tướng Chính phủ	Được thực hiện ở cả cấp Trung ương, cấp tỉnh
Về quản lý, sử dụng nhà ở nói chung (01 TTHC)				
18.	Công nhận cơ sở đào tạo đủ điều kiện bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư	Điều 175 Luật Nhà ở 2014	Bộ Xây dựng	
Về quản lý, sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (02 TTHC)				
19.	Quyết định đối tượng được thuê nhà ở công vụ	Điều 32 Luật Nhà ở 2014	Bộ Xây dựng	Được thực hiện ở cả cấp Trung ương, cấp tỉnh

20.	Thu hồi hoặc cưỡng chế thu hồi nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	Điều 84 Luật Nhà ở 2014	Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà ở	
C.	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản (02 TTTTC)			
21.	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản đối với dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đầu tư.	Điều 49, 50, 51 Luật KDBĐS 2014	Thủ tướng Chính phủ	Được thực hiện ở cả cấp Trung ương, cấp tỉnh
22.	Cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	Điều 68 Luật KDBĐS năm 2014	Luật Kinh doanh BĐS giao Bộ Xây dựng quy định chi tiết	Được thực hiện ở cả cấp Trung ương, cấp tỉnh

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	TTHC do Trung ương ban hành	TTHC do Trung ương ban hành và địa phương bổ sung một số nội dung	GHI CHÚ
A.	Lĩnh vực xây dựng					
1.	Thẩm định dự án đầu tư xây dựng /thẩm định thiết kế cơ sở					
	1.1 Thẩm định dự án đầu tư xây dựng đối với dự án sử dụng vốn ngân sách NN	Khoản 2 Điều 57, 58, 59, 61 Luật Xây dựng 2014	Cơ quan chuyên môn thuộc Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành			
	1.2 Thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đối với dự án sử dụng vốn ngân sách NN	Khoản 3 Điều 52, Điều 55, Khoản 5 Điều 57, Khoản 4 Điều 58 Luật Xây dựng 2014	Cơ quan chuyên môn thuộc Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành			

	1.3 Thẩm định thiết kế cơ sở (trừ thiết kế công nghệ) đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách	Khoản 3 Điều 57, 58, 59, 61 Luật Xây dựng 2014	Cơ quan chuyên môn thuộc Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành			
	1.4 Thẩm định thiết kế cơ sở (trừ thiết kế công nghệ) dự án đầu tư xây dựng đối với dự án sử dụng vốn khác	Khoản 4 Điều 57, 58, 59, 61 Luật Xây dựng 2014	Cơ quan chuyên môn thuộc Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành			
2.	Thẩm định dự án điều chỉnh					
	2.1 Thẩm định dự án đầu tư xây dựng điều chỉnh đối với dự án sử dụng vốn ngân sách NN	Khoản 2 Điều 57, 58, 59, 61 Luật Xây dựng 2014	Cơ quan chuyên môn thuộc Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xd chuyên ngành			
	2.2 Thẩm định thiết kế cơ sở điều chỉnh đối với dự án vốn nhà nước ngoài ngân sách, vốn khác	Khoản 4 Điều 57, 58, 59, 61 Luật Xây dựng 2014	Cơ quan chuyên môn thuộc Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành			

3.	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng					
	3.1 Thẩm định thiết kế kỹ thuật dự toán trong trường hợp hợp thiết kế 3 bước, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán trong trường hợp thiết kế 2 bước	K1 Điều 82, 83 Luật XD 2014	Cơ quan chuyên môn thuộc Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành			
	3.2 Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (trừ thiết kế công nghệ và các nội dung khác) đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, vốn khác ảnh hưởng lớn đến cảnh quan môi trường và an toàn của cộng đồng	Khoản 3 Điều 52, Điều 55, Khoản 5 Điều 57, Khoản 4 Điều 58 Luật XD 2014	Cơ quan chuyên môn thuộc Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành			

4.	Cấp giấy phép xây dựng					
	4.1 Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh	Khoản 4 Điều 95, Khoản 2 Điều 103 Luật XD 2014	UBND cấp tỉnh			
	4.2 Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình tôn giáo thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh	Khoản 4 Điều 95, Khoản 2 Điều 103 Luật XD 2014	UBND cấp tỉnh			
	4.3 Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh	Khoản 5 Điều 95, Khoản 2 Điều 103 Luật XD 2014	UBND cấp tỉnh			

	4.4 Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình quảng cáo	Khoản 6 Điều 95 Luật XD 2014	UBND cấp tỉnh			
	4.5 Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình theo tuyến	K3 Điều 95, Khoản 2 Điều 103 Luật XD 2014	Sở Xây dựng			
	4.6 Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình không theo tuyến	K3 Điều 95, Khoản 2 Điều 103 Luật XD 2014	Sở Xây dựng			
	4.7 Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình	Điều 96, K2 Điều 103 Luật XD 2014	Sở Xây dựng			
	4.8 Cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp di dời công trình	Điều 97, Điều 117, K2 Điều 103 Luật XD 2014	Sở Xây dựng			
5.	Cấp lại giấy phép xây dựng	Điều 100, K2 Điều 102 Luật XD 2014	Sở Xây dựng			

6.	Gia hạn giấy phép xây dựng	Điều 99, Khoản 2 Điều 102 Luật XD 2014	Sở Xây dựng			
7.	Điều chỉnh giấy phép xây dựng	Điều 98, Khoản 1 Điều 102 Luật XD 2014	Sở Xây dựng			
8.	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Điều 123 Luật XD 2014; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.	Sở Xây dựng			
9.	Cấp giấy phép hoạt động cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam	Khoản 2 Điều 148 Luật Xây dựng 2014	Sở Xây dựng			
10.	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng đối với cá nhân					
	10.1 Cấp chứng chỉ hành nghề chủ trì thiết kế quy hoạch xây dựng	Khoản 3 Điều 148 Luật XD	Sở Xây dựng			

	10.2 Cấp chứng chỉ hành nghề chủ nhiệm khảo sát xây dựng	Khoản 3 Điều 148 Luật XD	Sở Xây dựng			
	10.3 Cấp chứng chỉ hành nghề làm chủ nhiệm, chủ trì thiết kế	Khoản 3 Điều 148 Luật XD	Sở Xây dựng			
	10.4 Cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng	Khoản 3 Điều 148 Luật XD 2014	Sở Xây dựng			
	10.5 Cấp chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng	Khoản 3 Điều 148 Luật XD 2014	Sở Xây dựng			
	10.6 Cấp chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng	Khoản 3 Điều 148 Luật XD 2014	Sở Xây dựng			
11.	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III cho tổ chức					
	11.1 Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức tư vấn lập thiết kế quy hoạch xây dựng	Điều 150 Luật XD 2014	Sở Xây dựng			

11.2 Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức tư vấn lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng	Điều 151 Luật XD 2014	Sở Xây dựng			
11.3 Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	K2 Điều 152 Luật XD 2014	Sở Xây dựng			
11.4 Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức tư vấn quản lý dự án	K1 Điều 152 Luật XD 2014	Sở Xây dựng			
11.5 Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức khảo sát xây dựng	Điều 153 Luật XD 2014	Sở Xây dựng			
11.6 Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức thực hiện giám	Điều 155 Luật XD 2014	Sở Xây dựng			.

	sát thi công, kiểm định xây dựng					
	11.7 Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng	Điều 156 Luật XD 2014	Sở Xây dựng			
	11.8 Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức thi công xây dựng công trình	Điều 157 Luật XD 2014	Sở Xây dựng			
	11.9 Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động với tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình	Khoản 2 Điều 154 Luật Xây dựng 2014	Sở Xây dựng			
12.	Đăng ký thông tin về năng lực hoạt động xây dựng	Điều 159 Luật XD 2014	Sở Xây dựng			
13.	Công nhận phòng thí nghiệm phục vụ khảo sát xây dựng	Khoản 4 Điều 153 Luật XD 2014	Sở Xây dựng			

B.	Lĩnh vực nhà ở					
	Về phát triển nhà ở (05 TTHC)					
14.	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở (trừ đối với nhà ở thương mại, nhà ở công vụ, nhà ở phục vụ tái định cư, nhà ở xã hội) do UBND cấp tỉnh chấp thuận	Khoản 2 Điều 170, 171 Luật Nhà ở 2014	UBND cấp tỉnh			
15.	Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng					
	15.1 Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại	Mục 2 Chương III Điều 22 Luật Nhà ở 2014	UBND cấp tỉnh			
	15.2 Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở công vụ	Điểm a Khoản 3 Điều 28 Luật Nhà ở 2014	UBND cấp tỉnh			
	15.3 Lựa chọn chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở để phục vụ tái định cư	Điểm a khoản 4 Điều 38 Luật Nhà ở 2014	UBND cấp tỉnh			

	15.4 Lựa chọn chủ đầu tư xây dựng dự án xây dựng nhà ở xã hội bằng vốn ngân sách nhà nước	Khoản 1 Điều 57 Luật Nhà ở 2014	UBND cấp tỉnh			
	15.5 Lựa chọn chủ đầu tư dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ	Điều 114 Luật Nhà ở 2014	UBND cấp tỉnh			
16.	Phê duyệt dự án mua nhà ở thương mại làm nhà ở công vụ	Điều 30, 41 Luật Nhà ở 2014	UBND cấp tỉnh			
17.	Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng nhà ở	Khoản 4 Điều 19 Luật Nhà ở 2014	UBND cấp tỉnh			
18.	Trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cơ chế ưu đãi đối với chủ đầu tư xây dựng nhà ở xã hội	Điều 58, Điều 59 Luật Nhà ở 2014	Cơ quan thuế và UBND cấp tỉnh			
19.	Chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hình thức phân lô, bán nền tại khu	Điều 4 Nghị định 11/2013/NĐ-CP ngày 21/01/2013 về quản lý đầu tư phát triển đô	UBND cấp tỉnh			

	vực đô thị	thị				
Về quản lý sử dụng nhà nói chung (03 TTHC)						
20.	Phê duyệt phương án bố trí nhà ở tái định cư	Điều 35 Luật Nhà ở 2014	UBND cấp tỉnh			
21.	Phê duyệt phá dỡ nhà ở (chung cư)	Điều 95 Luật Nhà ở 2014	UBND cấp tỉnh			Được thực hiện ở cả cấp tỉnh, cấp huyện
22.	Phê duyệt danh sách nhà ở có giá trị nghệ thuật, văn hóa, lịch sử	Điều 79 Luật Nhà ở 2014	UBND cấp tỉnh			
Về quản lý, sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (03 TTHC)						
23.	Quyết định đối tượng được thuê nhà ở công vụ	Điều 32 Luật Nhà ở 2014	UBND cấp tỉnh			Được thực hiện ở cả cấp Trung ương, cấp tỉnh
24.	Quyết định đối tượng được mua nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	Điều 81 Luật Nhà ở 2014	UBND cấp tỉnh			

25.	Thu hồi hoặc cưỡng chế thu hồi nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	Điều 84 Luật Nhà ở 2014	Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà ở			
VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NHÀ Ở XÃ HỘI (03 TTHC)						
26.	Thẩm định giá bán, giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài nhà nước	Điểm d khoản 1 Điều 61 Luật Nhà ở 2014	UBND cấp tỉnh			
27.	Thông báo nhà đủ điều kiện được bán, cho thuê, thuê mua đối với nhà ở xã hội được đầu tư bằng vốn ngoài ngân sách	Điểm b khoản 3 Điều 63 Luật Nhà ở 2014	Sở Xây dựng			
28.	Phê duyệt đối tượng được thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước	Khoản 4 Điều 63 Luật Nhà ở 2014	UBND cấp tỉnh			

	Về hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng (01 TTHC)					
29.	Phê duyệt đề án hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở	Khoản 1 Điều 49, Điều 51 Luật Nhà ở 2014; Điều 6 Quyết định 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở	UBND cấp tỉnh			
30.	Về quản lý nhà ở của cá nhân, tổ chức nước ngoài (01 TTHC)					
	Gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài	Điểm c Khoản 2 Điều 161 Luật Nhà ở 2014	UBND cấp tỉnh			
C. Lĩnh vực Kinh doanh bất động sản (03 TTHC)						
31.	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc đầu tư.	Điều 49, 50, 51 Luật KDBĐS năm 2014	UBND cấp tỉnh			

32.	Thông báo cho cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh về việc nhà ở đủ điều kiện được bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai	Khoản 2 Điều 55 Luật KDBĐS 2014	UBND cấp tỉnh			
33.	Cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	Điều 68 Luật KDBĐS 2014	UBND cấp tỉnh			
D. Lĩnh vực quy hoạch (03 TTHC)						
34.	Cấp giấy phép quy hoạch xây dựng dự án đầu tư xây dựng	Điểm a khoản 4 Điều 47 Luật Xây dựng 2014; Luật Quy hoạch đô thị; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Điều 33, 34, 35 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015	Sở Xây dựng hoặc Sở quy hoạch kiến trúc			Được thực hiện ở cấp tỉnh, huyện

		của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.				
35.	Thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng chi tiết 1/500 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình	Luật Xây dựng 2014; Luật Quy hoạch đô thị; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.	Sở Xây dựng hoặc Sở quy hoạch kiến trúc			Được thực hiện ở cấp tỉnh, cấp huyện
36.	Cấp giấy phép chặt hạ, chuyển dịch cây xanh đô thị	Nghị định số 64/NĐ-CP ngày 11/6/2010 về quản lý cây xanh đô thị	Sở Xây dựng hoặc Sở quy hoạch kiến trúc; UBND cấp huyện			

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	TTHC do Trung ương ban hành	TTHC do Trung ương ban hành và địa phương bổ sung một số nội dung	GHI CHÚ
A.	Lĩnh vực xây dựng (09 TTHC)					
1.	Thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật sử dụng vốn ngân sách nhà nước do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.	Khoản 2 Điều 57, 58, 59, 60 Luật Xây dựng 2014	Cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện			
2.	Thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật điều chỉnh sử dụng vốn ngân sách nhà nước do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.	Điều 61 Luật Xây dựng 2014	Cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện			
3.	Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của báo cáo	Khoản 3 Điều 52, Điều 55, Khoản 5 Điều 57, Khoản 4	Cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện			

	<p>kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (trừ thiết kế công nghệ và các nội dung khác) đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, vốn khác ảnh hưởng lớn đến cảnh quan môi trường và an toàn của cộng đồng.</p>	<p>Điều 58 Luật XD 2014</p>				
4.	<p>Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán điều chỉnh của báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (trừ thiết kế công nghệ và các nội dung khác) đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, vốn khác ảnh hưởng lớn đến cảnh quan môi trường và an toàn của cộng đồng.</p>	<p>Điều 61 Luật Xây dựng 2014</p>	<p>Cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện</p>			

5.	Cấp giấy phép xây dựng					
	5.1 Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình theo tuyến	K3 Điều 95 Luật XD 2014	Cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện			
	5.2 Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình	Điều 96 Luật XD 2014	Cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện			
	5.3 Cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp di dời công trình	Điều 97, Điều 117 Luật XD 2014	Cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện			
6.	Cấp lại giấy phép xây dựng	Điều 100, K2 Điều 102 Luật XD 2014	Cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện			
7.	Gia hạn giấy phép xây dựng	Điều 99, Khoản 2 Điều 102 Luật XD 2014	Cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện			
8.	Điều chỉnh giấy phép xây dựng	Điều 98, Khoản 1 Điều 102 Luật XD 2014	Cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện			

9.	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	Điều 123 Luật XD 2014; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng	Cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện			
B. Lĩnh vực nhà ở (02 TTHC)						
10.	Phê duyệt danh sách hộ gia đình có công được hỗ trợ về nhà ở	Khoản 2,3,10 Điều 49, Điều 51 Luật Nhà ở 2014; Điều 6 Quyết định 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở	UBND cấp huyện			
11.	Phê duyệt phá dỡ nhà ở (riêng lẻ hoặc nhà ở để thu hồi đất)	Điều 95 Luật Nhà ở 2014	UBND cấp huyện			
C. Lĩnh vực quy hoạch (02 TTHC)						
12.	Cấp giấy phép quy hoạch xây dựng cho dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm	Điểm b khoản 4 Điều 47 Luật Xây dựng 2014; Khoản 3 Điều 40	UBND cấp huyện			

	quyền giải quyết của UBND cấp huyện	Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010.				
13.	Thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng chi tiết 1/500 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình	Luật Xây dựng 2014; Luật Quy hoạch đô thị; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.	UBND cấp huyện			

IV. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
Lĩnh vực nhà ở (02 TTHC)				
1.	Xác nhận về thực trạng nhà ở và lập danh sách đối tượng người có công được hỗ trợ nhà ở trên địa bàn	Điều 6 Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở	UBND cấp xã	
2.	Xác nhận xây dựng nhà ở hoàn thành theo giai đoạn, xác nhận hoàn thành xây dựng nhà ở	Điều 6 Thông tư số 09/2013/TT-BXD ngày 01/07/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 04 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở.	UBND cấp xã	